CÔNG TY CP -TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmtbd@gmail.com

VILAS 817

# BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: **NC 02/04.09.2026**

Ngày phát hành kết quả: 09/09/2026

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước**
- Vị trí lấy mẫu: Nước sau xử lý - Ngoài mạng lưới
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Huệ, Tổ 8, Khu phố 2, Phường Chơn Thành, Thành phố Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu 04/09/2026 Ngày phân tích: 04/09/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

| Số TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Phương pháp thử | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả thử nghiệm |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform tổng số* | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019 | < 1 | 0 |
| 2 | *E. coli** | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019 | < 1 | 0 |
| 3 | Clo dư tự do | mg/L | SMEWW 4500-Cl:2023 | 0,2 – 1,0 | 0,3 |
| 4 | Độ đục* | NTU | SMEWW 2130-B:2023 | ≤ 2 | 0,26 |
| 5 | Màu sắc | Pt-Co | TCVN 6185:2015 | ≤ 15 | 0 |
| 6 | Mùi | - | Cảm quan | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |
| 7 | pH* | - | TCVN 6492:2011 | 6,0 – 8,5 | 7,36 |
| 8 | Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N)* | mg/L | HACH Method 8038 | ≤ 1 | 0,05 |
| 9 | Pecmanganat* | mg/L | TCVN 6186:1996 | ≤ 2 | 0,32 |
| 10 | Clorua (Chloride) ($Cl^-$)* | mg/L | SMEWW 4500 $Cl^-$-B:2023 | ≤ 250 | 7 |
| 11 | Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ | mg/L | SMEWW 2340-C:2023 | ≤ 300 | 34 |
| 12 | Mangan (Mn)* | mg/L | HACH Method 8149 | ≤ 0,1 | KPH (LOD: 0,02 mg/L) |
| 13 | Nhôm (Aluminium) (Al)* | mg/L | HACH Method 8012 | ≤ 0,2 | 0,09 |
| 14 | Nitrate ($NO_3^-$ tính theo N) | mg/L | SMEWW 4500 $NO_3^-$-B:2023 | ≤ 11 | 0,33 |
| 15 | Nitrit ($NO_2^-$ tính theo N)* | mg/L | TCVN 6178:1996 | ≤ 0,9 | KPH (LOD: 0,01 mg/L) |

| Số TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Phương pháp thử | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả thử nghiệm |
|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Sắt (Ferrum) (Fe)* | mg/L | HACH Method 8008 | ≤ 0,3 | 0,02 |
| 17 | Sulfat (Sulfate) ($SO_4^{2-}$) | mg/L | SMEWW 4500 $SO_4^{2-}$-E:2023 | ≤ 250 | 3,08 |
| 18 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | mg/L | Đầu dò cảm biến | ≤ 1000 | 76 |

*** Ghi chú:**

+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
+ KPH: Không phát hiện.
+ Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
+ (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

**Quản lý chất lượng**

**Trần Thanh Trúc**

**Giám Đốc**

M.D.D.K.D: 0000... C.T.C.P TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG P. THỦ DẦU MỘT - TP HỒ CHÍ MINH

**Mai Thị Đẹp**